TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **375**/2024/DS-PT
Ngày 30/12/2024
V/v: Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phan Thị Linh Chi*,* Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2024/TLPT-DS ngày 27/11/2024, về việc *"Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và chia di sản thừa kế"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2024/QĐ-PT, ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Phương Hồng L, sinh năm 1968; địa chỉ: 105/122 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Hoàng Vĩnh T; địa chỉ: Số 52/20 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Hoàng Thị Bích T1; địa chỉ: Số 105/106 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Bà Hoàng Thị Bích H; địa chỉ: Số 383/62 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Bích P, sinh năm 1970; địa chỉ: B10 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Hoàng Thị Bích N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 368 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Bà Hoàng Thị Yến L3, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 18A đường 19B, thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Ông Hoàng Gia L4, ông Hoàng Huy H1; cùng địa chỉ: Số 258/29A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của Hoàng Gia L1: Ông Hoàng Huy H1, có mặt.

5. Hoàng Hoa K, Hoàng Hoa G, Hoàng P; cùng địa chỉ: Số 52/20 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Văn phòng công chứng Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn M; địa chỉ: Số 38 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc V; địa chỉ: Số 358 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Trần Thị Tuyết N; địa chỉ: Số 52/20 H, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương Hồng L trình bày:

Tôi là con của ông Hoàng Văn N – sinh năm 1946, bà Phan Thị Ngoc L1 – sinh năm 1947. Ông N chết năm 2011, bà L1 chết 2015. Hàng thừa kế thứ nhất của ông N và bà L1 gồm: Bà Hoàng Thị Phương Hồng L – sinh năm 1968; ông Hoàng Vĩnh L2 – sinh năm 1965 (chết năm 1993 có 02 con là Hoàng Huy Hoàng – sinh năm 1991 và Hoàng Gia L – sinh năm 1992); ông Hoàng Vĩnh T – sinh năm 1969; bà Hoàng Thị Bích P – sinh năm 1970; bà Hoàng Thị Bích T1 – sinh năm 1972; bà Hoàng Thị Bích N1 – sinh năm 1974; bà Hoàng Thị Bích H – sinh năm 1977; bà Hoàng Thị Yến L3 – sinh năm 1980.

Khi chết ông N và bà L1 không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông N và bà L1 là nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m2 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG870881 ngày 20/9/2006 cho hộ ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị N1 L1 tại phường T, thành phố B. Ngoài ra không còn di sản nào khác.

Ngày 07/7/2022 các đồng thừa kế gồm Hoàng Thị Phương Hồng L, Hoàng Vĩnh T, Hoàng Thị Bích P, Hoàng Thị Bích T1, Hoàng Thị Bích N1, Hoàng Thị Bích H, Hoàng Thị Yến L3 có lập văn bản khai nhận di sản thừa kế thống nhất các đồng thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc di sản thừa kế và được văn phòng công chứng Đ công chứng số 17109 quyển số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B chỉnh lý biến động thừa kế cho 07 người vào ngày 19/7/2022. Việc lập văn bản khai nhận di sản thừa kế nhưng thiếu ý kiến của ông Hoàng Huy H1 và Hoàng Gia L4 là hàng thừa kế thế vị của ông N, bà L1 là thiếu sót.

Nay các bên không thỏa thuận được việc chia di sản thừa kế nên tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 07/7/2022 đã được công chứng số 17109, quyển số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Đ là vô hiệu.

+ Đề nghị điều chỉnh phần chỉnh lý biến động tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 19/7/2022.

+ Chia di sản thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2, địa chỉ thửa đất phường T, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG870881 cấp ngày 20/9/2006 đứng tên hộ ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị N1 L1 theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế tôi có nguyện vọng được nhận di sản và có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Hoàng Vĩnh T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, hàng thừa kế, di sản thừa kế. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi đồng ý; tuy nhiên sau khi bố mẹ tôi chết thì tôi sinh sống và quản lý di sản thừa kế từ năm 2015 cho tới nay nên tôi đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp duy trì di sản với số tiền 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 10/9/2024 ông T trình bày thêm nội dung: Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 13, diện tích 130m2 được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG870881 ngày 20/9/2006 cho hộ ông Hoàng Văn N, bà Phan Thị Ngọc L1 tại phường T, thành phố B, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 là tài sản chung của tôi và bố mẹ tôi, đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của tôi trong khối tài sản chung này để chia cho tôi 1/3 tài sản trong khối tài sản chung này, phần còn lại mới xác định là di sản thừa kế bố mẹ tôi để lại.

Phần di sản mà bố mẹ tôi để lại thì bố mẹ tôi có nguyện vọng giao lại cho tôi để làm nơi thờ cúng vì vậy tôi không đồng ý chia di sản thừa kế. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo hướng tước bỏ quyền thừa kế di sản của nguyên đơn.

Về việc tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 07/7/2022 đã được công chứng số 17109, quyển số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Đ vô hiệu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị Bích T1 và bà Hoàng Thị Bích H trình bày:

Đồng ý với lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Vĩnh T. Đối với việc chia di sản thừa kế bà T1 và bà H có ý kiến như sau: Đối với hàng thừa kế thứ nhất là ông Hoàng Vĩnh L2 là con riêng của bà Phan Thị Ngọc L1 do đó ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 chỉ được hưởng phần di sản của bà L1 để lại. Bà T1 và bà H có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao căn nhà và đất là di sản thừa kế cho ông Hoàng Vĩnh T vì ông T không có nơi ở nào khác. Bà T1 và bà H đồng ý nhận di sản thừa kế và để lại cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 trình bày:

Tôi đồng ý với trình bày của nguyên đơn về nội dung và yêu cầu khởi kiện. Tôi đề nghị được nhận giá trị di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và giao nhà và đất cho bà L nhận quản lý sử dụng, bà L có nghĩa vụ khấu trừ giá trị tương đương với kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế được hưởng theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Huy H1, ông Hoàng Gia L4 trình bày:

Ông H1 và ông L4 là con của ông Hoàng Vĩnh L2 (chết năm 1993). Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H1 và ông L4 là hàng thừa kế thế vị của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Ngọc L1 có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của ông Lê Quốc V – Đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày:

Năm 2006, hộ bà Phan Thị Ngọc L1 và ông Hoàng Văn N lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đất có nguồn gốc chuyển nhượng của ông S và bà Thi Sum A vào tháng 11 năm 1972.

Ngày 20/9/2006, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Ngọc L1.

Ngày 08/7/2002, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ khai nhận di sản thừa kế do bà Hoàng Thị Bích P nộp. Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 25377/PCTTĐC ngày 11/7/2022 chuyển cho Chi cục thuế thành phố B ban hành thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính cho công dân theo quy định. Ngày 15/7/2022 Chi cục thuế thành phố B đã ban hành thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất và về thuế thu nhập cá nhân với cá nhân chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản.

Ngày 19/7/2022 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận chỉnh lý biến động tại trang tư của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG 870881 để thừa kế cho 07 người đại diện là bà Hoàng Thị Bích P, thừa kế sử dụng cùng với Hoàng Thị Phương Hồng L, Hoàng Vĩnh T, Hoàng Thị Bích T1, Hoàng Thị Bích N1, Hoàng Thị Bích H và Hoàng Thị Yến L3.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương Hồng L yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và chia di sản thừa kế, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn M– Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng Đ trình bày:

Quá trình tiếp nhận, xử lý và giải quyết hồ sơ liên quan đến việc yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng số 17109 quyển số 07/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2022 cụ thể:

Ngày 07/7/2022 các ông/bà Hoàng Thị Bích P, Hoàng Thị Phương Hồng L, Hoàng Vĩnh T, Hoàng Thị Bích T1, Hoàng Thị Bích N1, Hoàng Thị Bích H và Hoàng Thị Yến L3 đã đến văn phòng công chứng Đ yêu cầu công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn N và cụ Phan Thị Ngọc L1 đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các giấy tờ của các bên cung cấp, cùng với việc kiểm tra thông tin và ngăn chặn trên mạng nội bộ của Văn phòng, Văn phòng công chứng Đ nhận thấy hồ sơ yêu cầu công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế nói trên hoàn toàn đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản khai nhận di sản nói trên tại UBND phường T, thành phố B từ ngày 10/6/2022 đến hết ngày 01/7/2022. Văn phòng công chứng Đ không nhận được khiếu nại tố cáo nào. Các ông/bà có tên nói trên đã tự nguyện lập văn bản khai nhận di sản này, cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bỏ sót người thừa kế.

Tại thời điểm công chứng, các ông/bà nêu trên có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp lý của các giấy tờ liên quan đến việc lập văn bản khai nhận di sản này. Mục đích, nội dung của văn bản khai nhận di sản không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các ông/bà nêu trên đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và thống nhất đồng ý kiến điểm chỉ vào văn bản khai nhận di sản trước mặt công chứng viên.

Như vậy, tất cả quy trình tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ công chứng văn bản khai nhận di sản nói trên đều được Văn phòng công chứng Đ thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị Phương Hồng L thì văn phòng công chứng Đ đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương Hồng L.

Tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 17109 quyển số 07/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2022 là vô hiệu.

Xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Ngọc L1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006.

Xác định hàng thừa kế của ông Hoàng Văn N và bà Phan Thị Ngọc L1 gồm: Hàng thừa kế thứ nhất là bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Phương Hồng L, ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích T1, bà Hoàng Thị Bích N1,bà Hoàng Thị

Bích H và bà Hoàng Thị Yến L3. Hàng thừa kế thế vị gồm: Ông Hoàng Huy H1, ông Hoàng Gia L4.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường quyền hưởng di sản của bà Hoàng Thị Bích T1 và bà Hoàng Thị Bích H tặng cho ông Hoàng Vĩnh T.

Giao cho ông Hoàng Vĩnh T trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa 149 dài 19,53m

Phía Đông giáp thửa 151 rộng 6,45m

Phía Nam giáp thửa 157 dài 18,49m

Phía Tây giáp đường hẻm H rộng 7,27m.

Ông Hoàng Vĩnh T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006.

Buộc ông Hoàng Vĩnh T thanh toán cho bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người tương ứng với 1 kỷ phần thừa kế với giá trị 293.066.050 đồng.

Buộc ông Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người ½ giá trị của kỷ phần thừa kế với giá trị 146.533.025 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án dân sự; chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 14/10/2024, bị đơn ông Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị Bích T1 kháng cáo nội dung: Đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m^2 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của ông N, bà L1 và ông T, từ đó chia cho ông T 1/3 giá trị tài sản chung này, phần còn lại mới được xác định là di sản thừa kế của ông N, bà L1 để lại. Sau khi ông N, bà L1 chết thì ông T là người quản lý di sản thừa kế, bỏ tiền ra để tôn tạo, làm tăng giá trị của di sản nên ông T đề nghị Tòa án chia cho ông thêm một kỷ phần di sản thừa kế là công sức của người quản lý, tôn tạo di sản. Di sản là nơi thờ cúng duy nhất nên đề nghị Tòa án tước bỏ quyền thừa kế di sản của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án căn cứ kết quả định giá của Hội đồng thẩm định giá UBND thành phố B để làm căn cứ xác định giá trị di sản thừa kế. Về án phí và các chi phí tố tụng do hiện nay kinh tế khó khăn, không có tài sản nào khác nên đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Vĩnh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Bích T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chia thêm cho ông T một phần giá trị di sản thừa kế tương đương với một kỷ phần thừa kế được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị Bích T1 trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét là phù hợp,

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Hoàng Văn N và cụ Phan Thị Ngọc L1 là vợ chồng, có 08 người con gồm: Hoàng Thị Phương Hồng L, Hoàng Vĩnh L2 (chết năm 1993), Hoàng Vĩnh T, Hoàng Thị Bích P, Hoàng Thị Bích T1, Hoàng Thị Bích N1, Hoàng Thị Bích H, Hoàng Thị Yến L3. Ông Hoàng Vĩnh L2 có 02 con là Hoàng Huy H1, Hoàng Gia L4.

Tài sản chung do cụ N và cụ L1 tạo lập là nhà, đất thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m2 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006 cho hộ ông N, bà L1; tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Cụ N chết năm 2011, cụ L1 chết năm 2015 đều không để lại di chúc. Đến ngày 07/7/2022, các con của cụ N và cụ L1 là bà P, bà L, ông T, bà T1, bà N1,bà H và bà L3 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế thống nhất các đồng thừa kế cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc di sản thừa kế và được văn phòng công chứng Đ công chứng số 17109 quyển số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD; được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B chỉnh lý biến động thừa kế cho 07 người vào ngày 19/7/2022.

[2.2] Xét yêu cầu tuyên Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 07/7/2022 vô hiệu, thấy rằng: Căn cứ quy định tại Điều 651 và 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế theo pháp luật của cụ N và cụ L1 gồm 08 người con là ông Hoàng Vĩnh L2 (chết năm 1993), bà Hoàng Thị Phương Hồng L, ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích T1, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Bích H, bà Hoàng Thị Yến L3. Do ông L2 chết trước cụ N và cụ L1 nên các con của ông L2 là Hoàng Gia L4 và Hoàng Huy H1 thuộc hàng thừa kế thế vị của cụ N và cụ L1. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 07/7/2022 không được sự đồng ý của ông H1 và ông L4

là thiếu sót. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tuyên bố văn bản khai nhận di sản ngày 07/7/2022 vô hiệu là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu phân chia di sản thừa kế, thấy rằng: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thể hiện thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m2 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do cụ N và cụ L1 nhận chuyển nhượng của ông S và bà Thi Sum A vào tháng 11 năm 1972. Ngày 20/9/2006 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 cho hộ cụ N và cụ L1. Bị đơn ông T cho rằng tài sản trên là tài sản chung của ông T, cụ N, cụ L1 cùng tạo lập, xét thấy: thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất năm 1972, ông T sinh năm 1969 khi đó mới 3 tuổi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc được chia ⅓ giá trị tài sản trên. Cần xác định tài sản là nhà đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ N và cụ L1.

Sau khi cụ N và cụ L1 chết thì ông T đến sinh sống, quản lý nhà đất là di sản thừa kế trên từ năm 2015 cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận nội dung này. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện ông T có sửa chữa lại một phần cổng, làm mái che tôn và khung bảo vệ phía trước nhà. Do đó, cần xem xét công sức đóng góp của ông T trong việc giữ gìn, sữa chữa và tôn tạo di sản thừa kế tương đương một kỷ phần thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 05/2016/AL để xem xét công sức của ông T trong việc giữ gìn, tôn tạo di sản là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cho rằng bà có đóng góp số tiền 5.000.000 đồng cho ông T để làm mái che tôn phía trước căn nhà trên, được ông T thừa nhận; tuy nhiên xét thấy số tiền đóng góp nêu trên bà L tự nguyện đóng góp vào việc sửa chữa, tôn tạo di sản thừa kế không có yêu cầu đối với số tiền trên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Do đó, cần xác định lại di sản thừa kế được chia làm 09 kỷ phần. Theo đó, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi người được hưởng 1 phần kỷ phần gồm ông Hoàng Vĩnh L2 (chết năm 1993), bà Hoàng Thị Phương Hồng L, ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích T1, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Bích H, bà Hoàng Thị Yến L3; hàng thừa kế thế vị là ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người được hưởng ½ kỷ phần thừa kế; ông T được hưởng thêm 01 kỷ phần là công sức giữ gìn, bảo quản, tôn tạo di sản. Xét thấy, bà T1 và bà H đồng ý nhận di sản thừa kế và để lại cho ông T, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận; do đó ông T được hưởng giá trị của 4 kỷ phần thừa kế.

[2.4] Xét giá trị di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P, N1, L3 có đơn yêu cầu Tòa án mời tổ chức thẩm định giá để định giá tài sản tranh chấp. Ngày 19/8/2024, Tòa án cấp sơ thẩm ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá với Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản C. Theo kết quả định giá ngày 26/8/2024 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài sản C thể hiện giá trị di sản thừa kế là 2.538.160.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi được thông báo kết quả định giá ông Hoàng Vĩnh T đề nghị

xem xét lại giá trị tài sản tranh chấp nên ngày 16/9/2024 Tòa án đã ban hành Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá để tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thành phố B ngày 24/9/2024 xác định giá trị tài sản tranh chấp là 2.150.296.807 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản tranh chấp bằng cách lấy trung bình cộng của hai lần định giá để ra giá trị tài sản tranh chấp là (2.538.160.000 đồng + 2.150.296.807 đồng) : 2 = 2.344.528.403 đồng là không đúng. Bởi lẽ, trong vụ án này các đương sự không thỏa thuận về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thì căn cứ vào khoản 3 Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án phải ra quyết định định giá và thành lập hội đồng định giá, trình tự thủ tục định giá và thành lập Hội đồng định giá được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, để đảm bảo tính khách quan, chính xác và đúng quy định của pháp luật thì cần áp dụng kết quả định giá sau cùng là của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thành phố B ngày 24/9/2024 để xác định giá trị di sản thừa kế là 2.150.296.807 đồng mới chính xác. Như vậy, di sản thừa kế chia thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 2.150.296.807đồng/9 = 238.922.000 đồng (đã làm tròn).

[2.5] Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế thừa nhận ông T không có nơi ở nào khác, bà L và các đồng thừa kế khác đã có nơi ở ổn định. Do đó, giao di sản thừa kế cho ông T nhận quản lý sử dụng, ông T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tương ứng với kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là phù hợp, cụ thể: ông Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người tương ứng với 1 kỷ phần thừa kế với giá trị là 238.922.000 đồng; thanh toán cho ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người ½ giá trị của kỷ phần thừa kế với giá trị là 119.461.000 đồng; di sản thừa kế được giao cho ông T quản lý sử dụng nên ông T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục biến động sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006.

[2.6] Đối với yêu cầu của ông T đề nghị Tòa án xem xét miễn chi phí tố tụng và án phí cho ông T do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xét thấy: Ông T không cung cấp được tài liệu thể hiện gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc thuộc một trong các trường hợp được miễn án phí được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

[2.7] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như đã phân tích và nhận định tại các mục trên.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá và án phí: Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm nên cần tính lại chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[3.1] Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ở cấp sơ thẩm là 13.000.000 đồng (bà L đã nộp cho Tòa án 10.000.000 đồng, ông T nộp 3.000.000 đồng). Mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tương đương với kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng. Cụ thể: Bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người phải chịu số tiền 1.444.000 đồng. Ông Hoàng Vĩnh T phải chịu số tiền 5.778.000 đồng, khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp, còn phải nộp số tiền 2.778.000 đồng. Ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người phải chịu số tiền 723.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Phương Hồng L được nhận lại số tiền 8.556.000 đồng sau khi thu được của bà P, bà N1, bà L3, ông Hoàng Vĩnh T, ông Hoàng Gia L4, ông Hoàng Huy H1

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 238.921.867 đồng x 5 % = 11.946.000 đồng (làm tròn số).

Ông Hoàng Vĩnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (238.921.867 đồng x 4 = 955.687.468 đồng) = 36.000.000 đồng + 3% x (955.687.468 đồng – 800.000.000 đồng) = 40.671.000 đồng (làm tròn số).

Ông Hoàng Gia L4 và ông Hoàng Huy H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.461.000 đồng x 5% = 5.973.000 đồng (làm tròn số).

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Vĩnh T, bà Hoàng Thị Bích T1

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 317/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[2] Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương Hồng L.

Tuyên bố văn bản khai nhận di sản thừa kế được Văn phòng công chứng Đ công chứng số 17109 quyển số 07/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2022 là vô hiệu.

Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn N và cụ Phan Thị N1 L1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006.

Giao cho ông Hoàng Vĩnh T trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ 13, diện tích 130m2 thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 870881 ngày 20/9/2006. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa 149 dài 19,53m

Phía Đông giáp thửa 151 rộng 6,45m

Phía Nam giáp thửa 157 dài 18,49m

Phía Tây giáp đường hẻm H rộng 7,27m.

Ông Hoàng Vĩnh T có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Buộc ông Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người số tiền 238.922.000 đồng; thanh toán cho ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người số tiền 119.461.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc bà Hoàng Thị Phương Hồng L, bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người phải chịu số tiền 1.444.000 đồng. Ông Hoàng Vĩnh T phải chịu số tiền 5.778.000 đồng, khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp, còn phải nộp 2.778.000 đồng. Ông Hoàng Huy H1 và ông Hoàng Gia L4 mỗi người phải chịu số tiền 723.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Phương Hồng L được hoàn lại số tiền 8.556.000 đồng sau khi thu được của bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3, ông Hoàng Vĩnh T, ông Hoàng Gia L4, ông Hoàng Huy H1

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Phương Hồng L phải chịu 11.946.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013216 ngày 16/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, còn phải nộp 8.196.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Bích P, bà Hoàng Thị Bích N1, bà Hoàng Thị Yến L3 mỗi người phải chịu 11.946.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Vĩnh T phải chịu 40.671.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Gia L4 và ông Hoàng Huy H1 mỗi người phải chịu 5.973.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí phúc thẩm:

Ông Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị Bích T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông T và bà T1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2023/0013852, AA/2023/0013853 ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Do ông T nộp).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn